

Bản án số: 85/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20- 6 - 2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Xuân Bằng

2. Ông Lương Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa:

Bà Nhữ Thị Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 233/2021/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N ; Sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn C , xã BC huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Phạm Công T ; Sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn C , xã BC huyện BT, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án Bùi Thị N trình bày: Chị Nghi và anh Phạm Công T tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán. Anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Ban Công, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa ngày 12/11/2005. Sau khi lấy nhau sống hạnh phúc được một thời gian ngắn.

Từ năm 2017 vợ chồng mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, bất đồng về kinh tế và mâu thuẫn cả với gia đình chồng.

Từ năm 2017 thì vợ chồng mâu thuẫn gay gắt. Chị N đi làm ăn thi thoảng mới về và vợ chồng ly thân từ đó. Sau khi ly thân tình cảm càng rạn nứt chị Nghi không còn tình cảm với anh T và thiết tha xin ly hôn.

Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là cháu Phạm Công Đ, sinh ngày 19/02/2003 (đã trưởng thành) và cháu Phạm Thị H, sinh ngày 15/10/2010. Hiện nay anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn chị N tự nguyện để anh Tịnh tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Thị H, chị Nghi để lại toàn bộ tài sản chung nhà đất cho anh T nuôi con, chị Nghi không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nghi nộp bản tự khai của cháu Phạm Thị H, sinh ngày 15/10/2010. Cháu H có nguyện vọng được ở với bố không muốn thay đổi môi trường sống.

Bị đơn: Anh Phạm Công T được tổng đạt hợp lệ nhưng không đến tòa án làm việc. Xác minh tại địa phương anh Phạm Công T sinh sống tại Thôn C, xã BC huyện BT, tỉnh Thanh Hóa UBND xã BC giao giấy triệu tập anh T từ chối nhận vì lý do không đồng ý ly hôn.

Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử chị Bùi Thị N có đơn xin xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và trình tự tố tụng thẩm phán, thư ký, HĐXX thực hiện đúng đủ theo quy định của BLTTDS. Về nội dung giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Bùi Thị N ly hôn anh Phạm Công T. Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 15/10/2010 cho đến tuổi thành niên. Chị Bùi Thị N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí đề nghị miễn toàn bộ án phí cho nguyên đơn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, trình tự của BLTTDS.

Việc Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của khoản 2 Điều 227 và các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Bùi Thị N và anh Phạm Công T tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị hợp pháp.

[3] *Tình trạng hôn nhân*: Mâu thuẫn giữa chị Bùi Thị N và anh Phạm Công T đã đến mức trầm trọng, chị Nghi xác định không còn tình cảm với anh T. HĐXX căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị N được ly hôn anh T.

Về con chung. HĐXX căn cứ các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình. Giao cho anh Phạm Công T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Thị H, sinh ngày 15/10/2010 cho đến tuổi thành niên. Chị Bùi Thị N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Bùi Thị N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. *Về án phí*: Chị Bùi Thị N sinh sống tại thôn thuộc vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính Phủ HĐXX miễn toàn bộ án phí cho chị Bùi Thị N theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 227 và các điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị N. Xử cho chị Bùi Thị N ly hôn anh Phạm Công T

3. Về con chung: Giao cho anh Phạm Công T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Thị H, sinh ngày 15/10/2010 cho đến tuổi thành niên. Chị Bùi Thị N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Bùi Thị N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Tài sản: Không yêu cầu giải quyết HĐXX không xem xét.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Bùi Thị N được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Bùi Thị N 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0008510 ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

Án sơ thẩm vắng mặt chị Bùi Thị N và anh Phạm Công T. Chị N và anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quyên